

NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN ĐOÀN KẾT TÔN GIÁO

NGÔ GIA THẾ (*)

Nguyên tắc đoàn kết tôn giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh: Một là, lấy lợi ích của toàn dân tộc và quyền lợi căn bản của con người làm mẫu số chung; hai là, tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; và ba là, hoạt động của các tôn giáo phải tôn trọng và tuân theo Hiến pháp, pháp luật Việt Nam. Còn phương pháp thực hiện đoàn kết tôn giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh là: Tôn trọng các chức sắc tôn giáo và quan tâm tới các tín đồ tôn giáo; tích cực tuyên truyền, khai thác các giá trị nhân bản trong các tôn giáo nhằm tập hợp lực lượng cách mạng của toàn dân; và phân biệt giữa tổ chức giáo dân chân chính với tổ chức và cá nhân giả danh tôn giáo.

Trong quá trình vận động và lãnh đạo quần chúng nhân dân lao động xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, Hồ Chí Minh đã đưa ra những nguyên tắc và phương pháp căn bản làm nền tảng cho việc xây dựng khối đoàn kết tôn giáo có hiệu quả và bền vững; đồng thời, ngăn chặn được âm mưu của thực dân Pháp và sau này là đế quốc Mỹ muốn lợi dụng đồng bào có đạo hòng phá vỡ khối đoàn kết tôn giáo, đoàn kết toàn dân. Có thể nói, những tư tưởng đúng đắn, sáng suốt, khoa học của Hồ Chí Minh về nguyên tắc và phương pháp thực hiện đoàn kết tôn giáo đã góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc – yếu tố cơ bản dẫn đến thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc đoàn kết tôn giáo

Thứ nhất, lấy lợi ích của toàn dân tộc

và quyền lợi căn bản của con người làm mẫu số chung.

Nguyên tắc này được Hồ Chí Minh đưa ra và sử dụng với mong muốn quy tụ các tôn giáo, các chức sắc, nhà tu hành, tín đồ có đạo và mọi lực lượng yêu nước khác nhau trong xã hội Việt Nam cùng hành động hướng tới mục tiêu chung của dân tộc là “độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc”. Đây là nguyên tắc đúng đắn, sáng tạo của Người về xây dựng khối đoàn kết tôn giáo. Nguyên tắc này có ý nghĩa và giá trị to lớn không chỉ đối với sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, mà còn đối với cả việc xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng. Theo Người, chúng ta cần phải bảo đảm sự thống nhất giữa lợi ích của quốc gia dân tộc với quyền lợi riêng của mỗi con người và do vậy, điểm cốt lõi của nguyên tắc

(*) Thạc sĩ, Trường Cao đẳng Y tế Hưng Yên.

này là xử lý một cách đúng đắn các mối quan hệ biện chứng giữa: Cá nhân và tập thể, gia đình và xã hội, bộ phận và toàn thể, giai cấp và dân tộc, vô thần và hữu thần, quốc gia và quốc tế,...

Trong suốt quá trình vận động đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo tham gia xây dựng khối đoàn kết toàn dân và đoàn kết tôn giáo, Hồ Chí Minh luôn chủ động tìm kiếm những điểm tương đồng, sau đó dùng cái tương đồng để khắc phục cái dị biệt, không đặt các sự việc trong sự đối lập hoặc loại trừ nhau, không khoét sâu cái dị biệt về thế giới quan, hệ tư tưởng, nhu cầu tín ngưỡng... Với Người, cái thể hiện sự thống nhất, tương đồng về lợi ích chung của toàn thể dân tộc là dân tộc độc lập, Tổ quốc thống nhất, nhân dân tự do và hạnh phúc. Và, để thực hiện thắng lợi mục tiêu độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và hạnh phúc cho nhân dân, trước hết phải thực hiện đoàn kết tôn giáo, xây dựng thành công khối đoàn kết dân tộc. Song, muốn thực hiện đoàn kết tôn giáo, xây dựng thành công khối đoàn kết dân tộc thì cần phải dựa trên một nguyên tắc căn bản là lấy lợi ích của toàn dân tộc và quyền lợi căn bản của con người làm mẫu số chung trên cơ sở "cầu đồng, tồn dị".

Thứ hai, tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.

Tự do là một trong những quyền cơ bản của con người. Đây là một phạm trù rộng lớn đã được ghi nhận trong bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ năm 1776 và bản Tuyên ngôn Dân quyền và Nhân quyền của Pháp năm 1789. Điều này cũng được chủ nghĩa Mác - Lênin thừa nhận trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản năm 1848: Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát

triển tự do của toàn xã hội. Đến năm 1948, Liên hợp quốc cũng đã thừa nhận quyền tự do của con người được khẳng định trong hiến pháp của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Trong các quyền tự do của con người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; tức tự xác lập theo một đức tin tín ngưỡng, tôn giáo nhất định hoặc không theo.

Hồ Chí Minh luôn đề cao pháp luật và coi pháp luật là công cụ để thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Do vậy, ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Người đã chủ trương thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, trước hết là sự thừa nhận của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam. Cụ thể, tại Hiến pháp đầu tiên năm 1946, ở chương II, mục B đã ghi rõ: "Mọi công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng". Trong bài phát biểu bế mạc lễ ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam ngày 3/3/1951, Người đã khẳng định rằng, đối với vấn đề tôn giáo thì Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người. Thêm nữa, Người còn trực tiếp ký sắc lệnh đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân vào ngày 14/6/1955.

Không chỉ thế, Hồ Chí Minh còn chủ động thể chế hóa các quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân bằng văn bản pháp luật. Đây là nguyên tắc "bất di, bất dịch", "trước sau như một" nhằm bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và lợi ích hợp pháp của đồng bào tín đồ các tôn giáo. Cùng với việc tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào tín đồ các tôn giáo, Người còn đòi hỏi đồng bào tín đồ theo các tôn giáo phải tôn trọng và thực thi theo đúng

pháp luật Việt Nam. Người cũng đã yêu cầu các nhà tu hành, các chức sắc tôn giáo, như linh mục, giám mục... khi truyền bá tôn giáo phải có nhiệm vụ giáo dục cho các tín đồ về lòng yêu nước, nghĩa vụ người công dân, ý thức tôn trọng chính quyền nhân dân và pháp luật của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Đây là tư tưởng đúng đắn, vừa đảm bảo lợi ích dân tộc, vừa không làm ảnh hưởng tới tình cảm, niềm tin của đồng bào tín đồ các tôn giáo.

Thứ ba, hoạt động của các tôn giáo phải tôn trọng và tuân theo Hiến pháp, pháp luật Việt Nam.

Trước hết, để hoạt động của các tôn giáo bảo đảm sự tôn trọng và dựa trên pháp luật Việt Nam, Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam đã chủ trương ban hành các văn bản pháp luật liên quan đến tôn giáo và hoạt động tôn giáo, trong đó có Sắc lệnh 234 về tôn giáo đã quy định rõ quyền lợi, trách nhiệm và phạm vi hoạt động của tôn giáo ở Việt Nam. Cùng với Sắc lệnh 234, Chính phủ Việt Nam còn ban hành Thông tư 593 – TTg, ngày 10/12/1957 “quy định rõ hoạt động đối với các trường lớp tôn giáo”... Các văn bản pháp luật đó nêu rõ việc nghiêm cấm và trừng trị bất kỳ ai lợi dụng vấn đề tôn giáo để truyền đạo trái phép hoặc chống đối Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, vi phạm đạo đức công dân. Cụ thể, tại Điều 7, Sắc lệnh 234 ghi rõ: “Pháp luật sẽ trừng trị những kẻ nào mượn danh tôn giáo để phá hoại hoà bình, độc lập, dân chủ, tuyên truyền chiến tranh, phá hoại khối đoàn kết, ngăn trở tín đồ làm nhiệm vụ công dân, xâm phạm tự do tín ngưỡng và tự do tư tưởng của người khác hoặc làm việc trái pháp luật”.

Có thể nói, Hồ Chí Minh đã khởi

xướng và đặt nền móng vững chắc cho việc xây dựng và hoàn thiện một hệ thống luật pháp về tôn giáo và hoạt động tôn giáo ở Việt Nam, quy định rõ quyền lợi và nghĩa vụ, phạm vi và khuôn khổ hoạt động đối với tín ngưỡng, tôn giáo trên tinh thần dân chủ, bình đẳng và mang tính nhân văn sâu sắc. Đây chính là nguyên tắc đúng đắn và là cơ sở vững chắc đảm bảo cho sự đoàn kết, thống nhất lâu dài giữa tôn giáo với dân tộc, giữa đức tin tôn giáo với tình yêu Tổ quốc trên cơ sở pháp luật Việt Nam.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phương pháp thực hiện đoàn kết tôn giáo

Thứ nhất, tôn trọng các chức sắc tôn giáo và quan tâm tới các tín đồ tôn giáo.

Hồ Chí Minh không chỉ tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, mà còn tỏ rõ tấm lòng tôn kính đối với những người sáng lập ra các học thuyết tôn giáo cũng như các giáo chủ, giáo sỹ, linh mục và các chức sắc, nhà tu hành... Đây là một trong những phương pháp thể hiện sự sáng tạo của Người trong việc vận động các chức sắc, nhà tu hành và mọi tín đồ có đạo tham gia vào việc xây dựng khối đoàn kết tôn giáo nhằm lôi kéo, thu hút các tín đồ yêu nước trong các tôn giáo tích cực tham gia vào việc thực hiện thắng lợi mục tiêu chung “độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc”. Theo đánh giá của Người, các nhà sáng lập các học thuyết tôn giáo đều là các bậc vĩ nhân trong lịch sử và là những người có tinh thần và đức hy sinh cao cả nhằm giải phóng con người khỏi khổ đau, bất hạnh. Vì vậy, Người rất tôn trọng và gọi họ là những bậc “chí tôn, chí kính”. Trong nhiều bài viết, bài nói chuyện của mình, Người còn đề cập tới công lao, đức hy sinh của những nhà sáng lập ra các học thuyết

tôn giáo ở các khía cạnh khác nhau, với thái độ rất trân trọng. Người cho rằng, “Đức Giêsu hy sinh vì muốn loài người được tự do hạnh phúc, đồng bào ta cả lương cả giáo cũng vì tự do hạnh phúc cho toàn dân mà hy sinh phấn đấu”(1); rằng, Phật Thích ca sinh ra muốn “cứu khổ, cứu nạn” cho loài người.

Trước những nhà sáng lập ra các học thuyết tôn giáo, Hồ Chí Minh luôn giữ thái độ tôn trọng, khiêm tốn và mong muốn “cố gắng làm người học trò nhỏ của những vị ấy”. Người đã chủ động bày tỏ một thái độ thân ái, thiện chí, tôn trọng hàng ngũ chức sắc tôn giáo, vận động và tuyên truyền, thuyết phục họ tích cực tham gia vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Người xác định rằng, các giáo sỹ là những người có mối quan hệ trực tiếp với các giáo dân thông qua các giáo lý, giáo luật, nghi lễ và tổ chức giáo hội; họ không chỉ hiểu rõ giáo lý tôn giáo, mà còn hiểu biết về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá của dân tộc Việt Nam; đồng thời, họ còn có khả năng tổ chức, lôi kéo các tín đồ yêu nước chân chính đi theo cách mạng. Do vậy, theo Người, muốn đoàn kết giáo dân thì phải tranh thủ được hàng ngũ giáo sỹ, vì đó là đội ngũ lãnh đạo và phụ trách các hoạt động tôn giáo; nếu không vận động và tranh thủ được đội ngũ này thì sẽ rất khó khăn cho công tác vận động quần chúng có đạo đi theo cách mạng.

Xuất phát từ quan điểm đúng đắn đó, Hồ Chí Minh đã chủ động bày tỏ thái độ thân thiện, thân ái đoàn kết, liên hệ chặt chẽ với nhiều chức sắc tôn giáo. Người đã nhiều lần gửi thư và điện thăm hỏi hàng ngũ chức sắc tôn giáo với thái độ ân cần,

tôn trọng và coi họ có cùng mục đích phấn đấu cho hạnh phúc của đồng bào, cho độc lập của dân tộc. Chẳng hạn, trong thư gửi Giám mục Lê Hữu Từ, Người viết: “Nhân dịp Lễ Nôen, tôi kính chúc cụ mọi sự lành để phụng sự Đức Chúa và để lãnh đạo đồng bào Công giáo tham gia kháng chiến, đừng tranh lại thống nhất và độc lập cho Tổ quốc. Tôi nhờ cụ chuyển lời tôi chúc phúc cho toàn thể đồng bào Công giáo”(2). Trước thái độ chân thành, thẳng thắn nhưng cương quyết của Người, Giám mục Lê Hữu Từ - trong thư gửi cho các linh mục, đã viết: “Hơn bao giờ hết, toàn dân phải có một lòng đoàn kết chiến đấu chống lại bọn xâm lược. Hãy để cho vấn đề các đảng phái sang một bên, đừng bận tâm tới”(3).

Rõ ràng, sự chân thành, thẳng thắn và tôn trọng của Hồ Chí Minh là biểu hiện sâu sắc về tầm cao văn hoá chính trị và một tấm lòng bao dung rộng mở trong việc tranh thủ tình cảm và lôi kéo sự tham gia của hàng ngũ chức sắc, tín đồ các tôn giáo vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Đây là một trong những phương pháp hữu hiệu nhất trong việc xây dựng và tập hợp lực lượng cách mạng trong đồng bào các tôn giáo. Thêm nữa, đối với các chức sắc tôn giáo có công với đất nước, Người luôn chủ động khen thưởng kịp thời và mong muốn họ đoàn kết chặt chẽ hơn nữa để góp phần đưa sự nghiệp “kháng chiến, kiến quốc” đi đến

(1) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.4. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.50.

(2) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.312.

(3) Trần Tam Tỉnh. *Thiên Chúa và Hoàng đế*. Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 1990, tr.75-76.

thành công. Chẳng hạn, Người gửi thư khen Linh mục Lê Văn Yên (Bắc Ninh) vì đã “luôn luôn ra sức củng cố tinh thần đại đoàn kết giữa đồng bào lương và đồng bào giáo..., luôn luôn tận tâm săn sóc các anh em thương binh..., lại không nhận lương phụ cấp”(4). Người đã ký Sắc lệnh 32/SL, ngày 25/4/1949 thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhì cho Linh mục Nguyễn Bá Luận vì đã có thành tích vận động và hướng dẫn đồng bào Công giáo tích cực tham gia kháng chiến.

Chính bằng sự tôn trọng các chức sắc tôn giáo và luôn quan tâm tới cuộc sống mọi mặt của các tín đồ tôn giáo, Hồ Chí Minh đã lôi kéo đông đảo đồng bào tín đồ yêu nước tham gia xây dựng khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết tôn giáo; qua đó, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi mục tiêu chung của dân tộc - “Độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc”.

Thứ hai, tích cực tuyên truyền, khai thác các giá trị nhân bản trong các tôn giáo nhằm tập hợp lực lượng cách mạng của toàn dân.

Theo Hồ Chí Minh, muốn đoàn kết tôn giáo cần chú trọng khai thác các giá trị nhân bản, giá trị đạo đức trong các học thuyết tôn giáo nhằm tập hợp mọi lực lượng tín đồ yêu nước trong các tôn giáo tham gia xây dựng khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết tôn giáo. Nét nổi bật trong phương pháp cách mạng của Người là sự tiếp thu có chọn lọc các tư tưởng nhân văn, đạo đức trong các tôn giáo. Do vậy, trong suốt quá trình vận động đồng bào các tín đồ tôn giáo, Người luôn lấy tấm gương và đức hy sinh của các nhà sáng lập ra học thuyết tôn giáo cùng với những lời răn của các bậc thánh hiền rút ra trong kinh Phật, kinh Thánh về thực hành đạo đức để vận dụng vào đời sống

xã hội cho thích hợp với điều kiện lịch sử - cụ thể, lấy đó làm cơ sở để tập hợp lực lượng và giáo dục lòng yêu nước trong đồng bào tín đồ các tôn giáo. Người nêu cao tinh thần nhân văn, đạo đức và những đức hy sinh cao cả của Đức Thiên Chúa, Đức Phật nhằm kêu gọi giáo dân, phật tử phấn đấu noi theo và tích cực đấu tranh để giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Người nói: “Chúa Cơ đốc sinh ra làm gương mọi giống phúc đức như: hy sinh vì nước, vì dân, làm gương lao động, công bằng ruộng đất, tin thờ Chúa bằng tinh thần”(5). Và, “chúng ta kháng chiến cứu nước, thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, cải cách ruộng đất làm cho người cày có ruộng, tín ngưỡng tự do. Như thế là những việc Chính phủ và nhân dân ta làm, đều hợp với tinh thần Phúc âm”(6).

Hồ Chí Minh đã khai thác và kết hợp hài hoà các giá trị, tinh hoa văn hoá nhân loại ở nhiều học thuyết tôn giáo, nhờ đó nhanh chóng quy tụ lực lượng tín đồ các tôn giáo và phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết tôn giáo vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Phương pháp cách mạng mang đậm tính nhân văn sâu sắc của Người đã đoàn kết được các tín đồ tôn giáo, củng cố và tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc; đồng thời, làm thất bại mọi âm mưu, chính sách chia rẽ của thực dân Pháp và sau này là đế quốc Mỹ ở Việt Nam.

Thứ ba, phân biệt giữa tổ chức giáo dân chân chính với tổ chức và cá nhân giả danh tôn giáo.

(4) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.8, tr.408.

(5) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.197.

(6) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.197.

Hồ Chí Minh cho rằng, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo là một yêu cầu tất yếu, có ảnh hưởng quyết định đến sự thành công của cách mạng Việt Nam. Do đó, để làm tốt nhiệm vụ trên đôi vai người cách mạng phải biết phân biệt được bạn - thù, nhận rõ đâu là tổ chức giáo dân chân chính và đâu là tổ chức giả danh tôn giáo muốn lợi dụng tôn giáo nhằm chia rẽ khối đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc, làm phương hại đến sự nghiệp cách mạng của quần chúng nhân dân. Người còn phân biệt rõ những người giáo dân chân chính với những kẻ giả danh tôn giáo để có phương pháp đấu tranh đúng đắn. Người khẳng định giáo dân chân chính là những người yêu nước có tinh thần dân tộc, đoàn kết, biết hoà mình vào cuộc kháng chiến, kiến quốc. Kẻ giả danh tôn giáo là đối Chúa, phản quốc, cam tâm làm tay sai cho giặc. Vì vậy, để giúp nhân dân phân biệt rõ bạn - thù, phân biệt rõ những giáo dân chân chính với những kẻ giả danh tôn giáo, Người luôn nhấn mạnh tới vai trò và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo, công tác dân vận. Trên thực tế, trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, Người luôn kiên trì đấu tranh chống lại những kẻ giả danh tôn giáo nhằm bảo vệ khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo; đồng thời, “tẩy trừ những bọn phản Chúa, phản quốc, hại dân”.

Hồ Chí Minh không chỉ kiên quyết đấu tranh vạch trần các tổ chức và cá nhân giả danh tôn giáo mưu toan chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, mà còn luôn kiên trì, bền bỉ đấu tranh với những lời lẽ chân tình, tha thiết và một tấm lòng nhân đạo, vị tha đối với những người lầm đường, lạc lối, thuyết phục, động viên họ quay trở về với

đất nước và nhân dân, tham gia vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Theo Người, đã là người Việt Nam thì bất kỳ ai cũng có ít nhiều lòng ái quốc, nhưng do bị thực dân Pháp lợi dụng về đức tin tôn giáo đã khiến một số người lầm đường lạc lối; sau quá trình được giác ngộ cách mạng, chắc chắn họ sẽ quay về với Tổ quốc, với nhân dân. Người khẳng định: “Trừ bọn rất ít đại Việt gian, đồng bào ai cũng có lòng yêu nước. Tuy có một số đồng bào lầm lạc, qua một thời gian, những người ấy dần dần giác ngộ và quay về với Tổ quốc”(7).

Có thể nói, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, vận động quần chúng nhân dân tham gia xây dựng khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết tôn giáo, Hồ Chí Minh đã đưa ra những tư tưởng sâu sắc thể hiện tính khoa học, sáng tạo và phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước. Những nguyên tắc và phương pháp thực hiện đoàn kết tôn giáo do Người khởi xướng là cơ sở để xây dựng thành công khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hình thành và phát triển lực lượng cách mạng – yếu tố căn bản bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, những tư tưởng của Người về các nguyên tắc và phương pháp thực hiện đoàn kết tôn giáo vẫn còn nguyên giá trị khoa học và ý nghĩa thực tiễn, tiếp tục là ánh sáng soi đường cho toàn Đảng, toàn dân trong việc xây dựng và thực thi chính sách tôn giáo đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đất nước. □

(7) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.5, tr.422.